TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HS-ST
Ngày 14 - 3 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Ông Phùng Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/01/1991; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; Có vợ là Nguyễn Thị D1 và 03 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1952 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (có mặt).

Đều cư trú: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10/12/2023, Nguyễn Văn T

từ nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị D ở thôn V, xã V, huyện T đi sang nhà chị Nguyễn Thị V là chị dâu của T và ở sát với nhà bà D với mục đích trộm cắp xe mô tô của chị V. Do nhà chị V khóa cổng nên T dùng 01 thanh kim loại bằng sắt, loại then cài cửa phá khóa cổng đột nhập vào nhà lấy chìa khóa điện xe mô tô để tại kệ ti vi trong nhà. Sau khi lấy được chìa khóa điện, T đi đến lán để xe của gia đình chị V, mở khóa điện xe mô tô BKS: 88K1-365.95 (trong cốp xe có Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị V) rồi điều khiển xe mô tô về nhà bà D cất then cài cửa và ổ khóa cổng vừa phá tại khu vực gần cổng ra vào. Sau đó, T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến trước cửa quán I ở phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc bán cho anh Nguyễn Thành Đ với giá 20.000.000 đồng. Số tiền bán xe mô tô, T đã trả nợ và tiêu sài cá nhân hết. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, chị Nguyễn Thị V về nhà phát hiện bị mất xe mô tô nên đã trình báo sự việc với Công an xã V, huyện T.

Sau khi tiếp nhận tố giác về tội phạm, Công an xã V đã tiến hành kiểm tra, xác minh và xác định T là người đã trộm cắp xe mô tô của chị V và tạm giữ xe mô tô BKS: 88K1-365.95, nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, màu vàng nâu, đã qua sử dụng và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 88K1-365.95 mang tên Nguyễn Thị V; 01 giấy bán, cho tặng xe mô tô đề ngày 10/12/2023 do anh Nguyễn Thành Đ tự nguyện giao nộp. Cùng ngày, Công an xã V đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc cùng các vật chứng liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 11/12/2023, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, tạm giữ 01 thanh kim loại bằng sắt dạng then chốt cài cửa dài 38cm và 01 ổ khóa bằng kim loại một mặt ghi dòng chữ "LOCK", mặt còn lại ghi dòng chữ "VIETTIEP".

Tại Kết luận định giá tài sản số: 40/KL-HĐĐGTS ngày 19/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện T, kết luận: Xe mô tô Lead sản xuất năm 2019 nhãn hiệu Honda, xe đã qua sử dụng có giá trị là 24.800.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSTD ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt Nguyễn Văn T từ 9 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có tài sản, thu nhập nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 38cm đã qua sử

dụng và 01 ổ khóa bằng kim loại, một mặt ghi dòng chữ “LOCK”, một mặt ghi dòng chữ “VIETTIEP”, đã qua sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10/12/2023, tại nhà chị Nguyễn Thị V ở thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút, bí mật trộm cắp của chị Nguyễn Thị V 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Lead, trị giá 24.800.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.*

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tác động để anh trai bị cáo là anh Nguyễn Văn H khắc phục hậu quả; bị hại chị Nguyễn Thị V có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tại phiên tòa, chị V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các

điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập, tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với anh Nguyễn Thành Đ là người đã mua lại xe mô tô BKS: 88K1-365.95 do bị cáo T trộm cắp mà có. Quá trình điều tra xác định, anh Đ không biết đây là tài sản do bị cáo T trộm cắp được mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Đ.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 xe mô tô BKS: 88K1-365.95, nhãn hiệu Honda, loại xe Lead và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị V, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị V, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị V. Sau khi nhận lại tài sản, chị V không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 giấy bán, cho tặng xe mô tô đề ngày 10/12/2023, là giấy tờ bán xe giữa anh Nguyễn Thành Đ với bị cáo T, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 thanh kim loại dài 38cm đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị D; 01 ổ khóa bằng kim loại, một mặt ghi dòng chữ "LOCK", một mặt ghi dòng chữ "VIETTIEP", đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị V; bà D và chị V không yêu cầu nhận lại tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng anh Nguyễn Văn H đã thay bị cáo trả lại cho anh Nguyễn Thành Đ để lấy lại xe mô tô; anh H tự nguyện cho bị cáo số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải trả lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (Mười) tháng tù

cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (T1) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 thanh kim loại dài 38cm đã qua sử dụng và 01 ổ khóa bằng kim loại, một mặt ghi dòng chữ "LOCK", một mặt ghi dòng chữ "VIETTIEP", đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 01/3/2024 giữa Công an huyện T và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương).

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Công an huyện Tam Dương;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh